

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án Cụm hồ tỉnh Bình Phước

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 3156/QĐ-BNN-KH ngày 19/7/2021, số 1161/QĐ-BNN-KH ngày 29/3/2023 phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Cụm hồ tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cụm hồ tỉnh Bình Phước;

Căn cứ văn bản số 1336/UBND-KT ngày 27/4/2021 và số 762/UBND-KT ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về dự án Cụm hồ tỉnh Bình Phước;

Xét Tờ trình số 37/TTr-BQLDA ngày 14/3/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước trình phê duyệt điều chỉnh Chủ trương đầu tư và thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Cụm hồ tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 318/BC-XD-TĐ ngày 15/3/2023 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cụm hồ tỉnh Bình Phước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cụm hồ tỉnh Bình Phước.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu đầu tư xây dựng: Tạo nguồn cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, phục vụ tưới cho cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao (Hồ tiêu, cà phê, điều, cây ăn trái,...) và tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc, ổn định cuộc sống cho dân cư vùng ven biên giới.

b) Nhiệm vụ của dự án: Tạo nguồn cấp nước tưới cho khoảng 190 ha đất nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt một số khu vực thuộc các huyện Lộc Ninh và Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, cụ thể:

- Hồ chứa nước thị trấn Lộc Ninh (hồ Lộc Ninh) tạo nguồn cấp nước tưới cho 70ha (cây ăn trái) và nước sinh hoạt $720\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm cho khoảng 6.000 người;

- Hồ chứa nước Tà Mai (hồ Tà Mai) tạo nguồn cấp nước tưới cho 120ha (25 ha lúa, 82 ha cây công nghiệp, 13ha cây ăn trái) và nước sinh hoạt $480\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm cho khoảng 4.000 người.

c) Quy mô đầu tư xây dựng:

* Biên pháp công trình: Xây dựng mới hồ chứa nước Tà Mai và kênh chính; xây dựng mới hồ chứa nước Thị trấn Lộc Ninh.

* Quy mô và các thông số cơ bản: (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

- Hồ Tà Mai:

+ Tuyến công trình đầu mối: Vùng tuyến 1.

+ Giải pháp kỹ thuật công trình:

Hồ chứa: Dung tích toàn bộ $W_{tb}=1,395.10^6\text{m}^3$, dung tích hữu ích $W_{hi}=1,278.10^6\text{m}^3$, dung tích chết $W_c=0,117.10^6\text{m}^3$; các mực nước thiết kế: MNDBT +90,75m, MNC +84,50m;

Đập tạo hồ: Đập đất nhiều khối, dài 583,6m, cao trình đỉnh +92,55m, chiều rộng đỉnh đập 6,00m, chiều cao lớn nhất $H_{\max}=12,65\text{m}$; mái thượng, hạ lưu $m=3,0$ và $m=2,75$; khối thượng lưu $K_t \leq 1,0 \times 10^{-3} \text{ cm/s}$, $\gamma_K \geq 1,63 \text{ T/m}^3$, hệ số đầm chặt $K_c \geq 0,97$; khối chống thấm $K_t \leq 8,0 \times 10^{-6} \text{ cm/s}$, $\gamma_K \geq 1,35 \text{ T/m}^3$, hệ số đầm chặt $K_c \geq 0,97$; khối hạ lưu $K_t \leq 1,0 \times 10^{-3} \text{ cm/s}$, $\gamma_K \geq 1,63 \text{ T/m}^3$, hệ số đầm chặt $K_c \geq 0,97$. Tiêu thoát nước thân đập kiểu ống khói, dải lọc, đồng đá hạ lưu; chống thấm nền đập bằng chân khay và khoan phụt vữa;

Tràn xả lũ: Bố trí bên vai phải đập; hình thức tràn tự do, cao trình ngưỡng +90,75m, chiều rộng ngưỡng 10m, kết cấu bằng BTCT; lưu lượng xả lũ thiết kế $Q_{1,5\%}=21,0 \text{ m}^3/\text{s}$ và lũ kiểm tra $Q_{0,5\%}=27,1 \text{ m}^3/\text{s}$; đỉnh tràn bố trí cầu qua tràn rộng 6,0m; nối tiếp dốc nước dài 157,50m, chiều rộng từ $(10 \div 4,0)\text{m}$; bề tiêu năng dài

14,0m, rộng 4,0m; kênh xả sau tràn dài 120,0m, đoạn giáp bề tiêu năng dài 30m gia cố bằng BTCT và thảm đá;

Cống lấy nước: Bố trí bên vai trái đập; cống có áp, cao trình ngưỡng +83,50m, lưu lượng thiết kế $Q_{TK} = 0,21 \text{ m}^3/\text{s}$, chiều dài 64,0m; đoạn ống thép D500 bọc BTCT dài 60,0m; cửa vào bố trí lưới chắn rác, phai sửa chữa, hạ lưu bố trí van vận hành, điều tiết;

Kênh dẫn nước: Hình thức kênh hở mặt cắt chữ nhật; lưu lượng thiết kế $Q_{TK} = 0,21 \text{ m}^3/\text{s}$, chiều dài 2.046m, kích thước mặt cắt 0,8x0,8m, kết cấu BTCT.

+ Tổ chức xây dựng:

Dẫn dòng thi công qua lòng suối thu hẹp, thời gian tập trung thi công 02 năm;

Vật liệu xây dựng đất: Đất đắp đập có khối lượng yêu cầu khoảng 182.500 m^3 được khai thác tại các mỏ VLD trong và ngoài lòng hồ đã được khảo sát và tận dụng đất từ đào móng công trình;

Đá, cát sỏi: Mua tại các vị trí lân cận công trình.

+ Hệ thống thiết bị cơ, điện, quan trắc:

Thiết bị điện: Đường dây 0,4kV đến nhà quản lý dài 1.000m;

Thiết bị cơ khí: Cơ khí cống lấy nước, gồm: Lưới chắn rác, ống thép thân cống đường kính $D = 500\text{mm}$, van vận hành hạ lưu cống, thiết bị nâng hạ phục vụ lắp đặt, sửa chữa;

Thiết bị quan trắc: Gồm các loại quan trắc mực nước, thấm, đường bão hòa, chuyển vị,...

+ Công trình phục vụ thi công và quản lý vận hành:

Đường thi công: Đường thi công kết hợp quản lý vận hành nối từ TL 757 vào đến công trình đầu mối, chiều dài 2.686m, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng bê tông xi măng; các tuyến đường thi công nội bộ trong công trường;

Khu quản lý công trình đầu mối: Diện tích khoảng 300m^2 , nhà quản lý diện tích khoảng 90m^2 .

- Hồ Lộc Ninh:

+ Tuyến công trình đầu mối: Vùng tuyến 1.

+ Giải pháp kỹ thuật công trình:

Hồ chứa: Dung tích toàn bộ $W_{tb} = 0,45.10^6 \text{ m}^3$, dung tích hữu ích $W_{hi} = 0,418.10^6 \text{ m}^3$, dung tích chết $W_c = 0,032.10^6 \text{ m}^3$; các mực nước thiết kế: MNDBT +122,95m, MNC +114,80m;

Đập tạo hồ: Đập đất đồng chất, dài 250,9m, cao trình đỉnh đập +125,30m, chiều rộng đỉnh đập 8,50m, chiều cao lớn nhất $H_{\max} = 14,20\text{m}$; mái thượng, hạ lưu $m = (3,0-3,25)$ và $m = (2,75-3,0)$; đất đắp thân đập $K_t \leq 3,0 \times 10^{-5} \text{ cm/s}$, $\gamma_K \geq 1,36 \text{ T/m}^3$, hệ số đầm chặt $K_c \geq 0,97$. Tiêu thoát nước thân đập bằng dải lọc, đồng đá hạ lưu; chống thấm nền đập bằng chân khay và khoan phụt vữa;

Tràn xả lũ: Bố trí bên vai trái đập; hình thức tràn tự do, cao trình ngưỡng +122,95m, chiều rộng ngưỡng 10m, kết cấu bằng BTCT; lưu lượng xả lũ thiết kế $Q_{1,5\%} = 27,5 \text{ m}^3/\text{s}$ và lũ kiểm tra $Q_{0,5\%} = 35,1 \text{ m}^3/\text{s}$; đỉnh tràn bố trí cầu qua tràn rộng 8,5m; nối tiếp dốc nước dài 186,8m, chiều rộng từ (10÷4,0)m; bể tiêu năng dài 14,5m, rộng 4,0m; kênh xả sau tràn dài 50,0m, đoạn giáp bể tiêu năng dài 30m gia cố bằng BTCT và thảm đá;

Công lấy nước: Bố trí bên vai phải đập; công có áp, cao trình ngưỡng +113,80m, lưu lượng thiết kế $Q_{TK} = 0,06 \text{ m}^3/\text{s}$, chiều dài 74,0m; đoạn ống thép D400 bọc BTCT dài 70,0m; cửa vào bố trí lưới chắn rác, phai sửa chữa, hạ lưu bố trí van vận hành, điều tiết.

+ Tổ chức xây dựng:

Dẫn dòng thi công qua lòng suối thu hẹp, thời gian tập trung thi công 02 năm;

Vật liệu xây dựng đất: Đất đắp đập có khối lượng yêu cầu khoảng 100.000 m^3 được khai thác tại các mỏ VLD trong và ngoài lòng hồ đã được khảo sát và tận dụng đất từ đào móng công trình;

Đá, cát sỏi: Mua tại các vị trí lân cận công trình.

+ Hệ thống thiết bị cơ, điện, quan trắc:

Thiết bị điện: Đường dây 0,4kV đến nhà quản lý dài 1.000m;

Thiết bị cơ khí: Cơ khí công lấy nước, gồm: Lưới chắn rác, ống thép thân công đường kính $D = 400\text{mm}$, van vận hành hạ lưu công, thiết bị nâng hạ phục vụ lắp đặt, sửa chữa;

Thiết bị quan trắc: Gồm các loại quan trắc mực nước, thấm, đường bão hòa, chuyển vị,...

+ Công trình phục vụ thi công và quản lý vận hành:

Đường thi công: Đường thi công kết hợp quản lý vận hành chiều dài 775m, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m bằng bê tông xi măng; các tuyến đường hiện có và các tuyến đường thi công nội bộ trong công trường;

Khu quản lý công trình đầu mối: Diện tích khoảng 300 m^2 , nhà quản lý diện tích khoảng 90 m^2 .

* Khối lượng chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng		Tổng cộng
			Hồ Tà Mai	Hồ Lộc Ninh	
1	Đào đất các loại	m^3	41.554	24.687	66.241
2	Đào đá các loại	m^3	1.129		1.129
3	Đắp đất các loại	m^3	200.321	107.471	307.792
4	Bê tông các loại	m^3	127.968	3.825	131.793
5	Thép các loại	Tấn	416	206	622
6	Dăm sỏi, cát	m^3	16.520	4.681	21.201
7	Gạch, đá xây lát	m^3	4.292	951	5.243

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế cơ sở: Liên danh Trung tâm Khoa học và triển khai kỹ thuật thủy lợi và Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Việt Thành.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Lộc Ninh và Hớn Quản tỉnh Bình Phước.
- Diện tích sử dụng đất: 67,93ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng mới.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Loại công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Cấp công trình và tần suất thiết kế: Công trình đầu mối hồ Lộc Ninh và hồ Tà Mai thuộc cấp III, kênh chính hồ Tà Mai thuộc cấp IV (Theo QCVN 04-05:2012); tần suất lũ thiết kế $P = 1,5\%$, tần suất lũ kiểm tra $P = 0,5\%$, tần suất phục vụ thiết kế tổ chức thi công 10% ; tần suất đảm bảo cấp nước tưới $P = 85\%$, tần suất đảm bảo cấp nước sinh hoạt, công nghiệp $P = 90\%$.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).
- Danh mục tiêu chuẩn được áp dụng: *(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*.

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư: **256.000.000.000 đồng.**

Trong đó:

- | | |
|---|-----------------------|
| - Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư | 105.480.000.000 đồng; |
| - Chi phí xây dựng, thiết bị: | 99.605.498.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 1.825.497.127 đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 13.643.456.071 đồng; |
| - Chi phí khác: | 8.358.091.612 đồng; |
| - Chi phí dự phòng: | 27.087.411.086 đồng; |

TỔNG CỘNG **256.000.000.000 đồng.**

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

10. Tiến độ thực hiện dự án: 04 năm kể từ năm khởi công

11. Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án:

Vốn NSNN do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý là 256 tỷ đồng.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

13. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Phạm vi giải phóng mặt bằng gồm lòng hồ, cụm công trình đầu mối, hệ thống kênh, đường thi công, khu quản lý, khu phụ trợ, mỏ vật liệu..., tổng diện tích khoảng 67,93ha.

Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

- Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi: Đất nông nghiệp 64,87ha (đất lúa 7,87ha), đất ở 1,15ha, đất khác 1,91ha, trong đó:

- + Hồ Tà Mai: Diện tích sử dụng đất 48,86ha: đất nông nghiệp 47,84ha (đất lúa 7,87ha), đất khác 1,02ha.

- + Hồ Lộc Ninh: Diện tích sử dụng đất 19,07ha: đất nông nghiệp 17,03ha, đất ở 1,15ha, đất khác 0,89ha.

- Dự kiến số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất: Số hộ bị ảnh hưởng 131 hộ, có 28 hộ phải di dời, trong đó:

- + Hồ Tà Mai: Ảnh hưởng 43 hộ.

- + Hồ Lộc Ninh: Ảnh hưởng 88 hộ, có 28 hộ phải di dời.

- Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 105,48 tỷ đồng (chưa bao gồm dự phòng).

- Các hạng mục công việc phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Thông tư số 61/2022/TT- BTC ngày 5/10/2022 của Bộ Tài chính; các công việc tư vấn, hạng mục khác có liên quan thực hiện theo quy định.

14. Những lưu ý giai đoạn sau:

- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn theo đúng các quy định hiện hành để nghiên cứu, tính toán, lựa chọn tối ưu giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục, đảm bảo an toàn công trình, hiệu quả kinh tế, thuận lợi khi khai thác vận hành.

- Đối với đất đắp đập cần khảo sát kỹ về chất lượng, trữ lượng, phân vùng các khối đắp thân đập, rà soát các chỉ tiêu cơ lý và các tính chất đặc biệt, biện pháp chống thấm,... để có giải pháp xử lý phù hợp đảm bảo kinh tế, kỹ thuật. Rà soát sử dụng tối đa đất đắp khai thác trong lòng hồ, tận dụng đất đào móng để đắp nhằm hạn chế diện tích giải phóng mặt bằng. Chủ đầu tư lưu ý về đánh giá giữa các khối đất đắp trong trường hợp dung trọng thực tế có sự thay đổi so với thiết kế, ảnh hưởng tới công tác quản lý chi phí xây dựng, quản lý hợp đồng và thanh quyết toán.

- Tối ưu tuyến, rà soát, tính toán đầy đủ theo quy định làm cơ sở lựa chọn quy mô, kích thước các hạng mục công trình đảm bảo kinh tế - kỹ thuật.

- Rà soát tính toán chi tiết phương án dẫn dòng, biện pháp và trình tự thi công, bố trí mặt bằng thi công, bãi trữ thải...; thiết kế chi tiết biện pháp đào móng, vận chuyển, bố trí thiết bị thi công..., nhằm đảm bảo chất lượng, an toàn công trình, đáp ứng tiến độ.

- Chỉnh trang mặt bằng công trình, tạo cảnh quan.

- Lập quy trình kỹ thuật vận hành theo đúng các quy định hiện hành.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát kỹ về khối lượng thiết kế bản vẽ thi công; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình.

- Tổ chức lập Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 43 Luật thủy lợi năm 2017; về quản lý chi phí, lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và chất lượng xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh Bình Phước:

- Thực hiện bố trí vốn khi có phát sinh chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án ở giai đoạn sau như cam kết tại văn bản số 762/UBND-KT ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan: (i) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo đúng quy định hiện hành và bàn giao mặt bằng theo tiến độ xây dựng công trình (bao gồm cả phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc có liên quan); (ii) tổ chức bảo vệ phạm vi mặt bằng công trình đã được giải phóng mặt bằng đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng (tránh trường hợp tái lấn chiếm); (iii) quyết toán phần kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp quyết toán chung; (iv) giải quyết dứt điểm việc thu hồi đất xây dựng khu nhà ở cán bộ công nhân viên dự án nhà máy xi măng Bình Phước tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh.

- Có Quyết định giao đơn vị quản lý, khai thác phối hợp trong quá trình thực hiện dự án, tiếp nhận bàn giao khi công trình hoàn thành đưa vào khai thác theo quy định.

- Chỉ đạo các ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước trong quá trình thi công xây dựng công trình đảm bảo tiến độ, an toàn trong phòng chống thiên tai, an toàn vệ sinh môi trường.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước thực hiện chức năng chủ đầu tư dự án (bao gồm hợp phần xây dựng và hợp phần BT, HT-TĐC), chịu trách nhiệm về chất lượng lập hồ sơ dự án, triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành, rà soát đầu nối hạ tầng; phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đáp ứng tiến độ của dự án.

3. Cục Quản lý Xây dựng công trình là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

4. Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý kịp thời các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Kho bạc NN tỉnh Bình Phước;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp